

Số: 2137/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp:
Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2026.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 1931/QĐ-ĐN5 ngày 05/12/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2026;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch kỹ ngày 22 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp của Tổ thẩm định ngày 24/12/2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 22/12/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn cung cấp: Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2026 với các nội dung chính như sau:

- Tên nhà cung cấp: Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch.
- Địa chỉ: Số 655 đường Phạm Văn Đồng - Phường Nghĩa Đô – TP. Hà Nội.
- Giá gói cung cấp: **111.876.945 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, chỉ trăm bốn mươi lăm đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí liên quan. Chi tiết phụ lục dự toán đính kèm.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Quyết định này làm cơ sở để các bên ký kết hợp đồng và thực hiện các công việc liên quan.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và đơn vị được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các PGĐ, KTT (e – copy);
- Trang website TKV (để đăng tải);
- Trang website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, P.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC. BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ
Quan trắc môi trường giai đoạn vận hành năm 2026
(Kèm theo Quyết định số 2137 /QĐ-ĐN5 ngày 24 tháng 12 năm 2025)

STT	Tên thông số	ĐVT	Tổng số lượng/năm	Đơn giá có KH	Thành tiền
A	BẢNG TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC MẶT 2026 (2 mẫu tại 2 vị trí hồ thủy điện Đồng Nai 5: 01 mẫu lấy tại khu vực lòng – Vị trí giữa đập; 01 mẫu lấy tại khu vực hạ du cách đập thủy điện Đồng Nai 5 khoảng 800m; Tần xuất quan trắc 06 lần/năm)				27.976.464
I	Quan trắc tại hiện trường				6.805.740
1	Đo đồng thời đa chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, DO, Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Thông số	12	567.145	6.805.740
II	Quan trắc các mẫu trong phòng thí nghiệm				21.170.724
1	Nhu cầu ô xy sinh hóa BOD ₅	Thông số	12	206.111	2.473.332
2	Nhu cầu ô xy hóa học COD	Thông số	12	234.185	2.810.220
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	Thông số	12	119.479	1.433.748
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	Thông số	12	224.977	2.699.724
5	Nitrat (NO ₃ ⁻)	Thông số	12	202.433	2.429.196
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	Thông số	12	266.895	3.202.740
7	Tổng Coliform	Thông số	12	510.147	6.121.764
B	BẢNG TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC THẢI 2026 (02 mẫu: 01 mẫu lấy tại cống xả nước thải từ hệ thống bể tự hoại tại khu vực nhà nghỉ của công nhân; 01 mẫu cống xả nước thải từ hệ thống bể tự hoại tại khu vực vận hành nhà máy; Tần xuất quan trắc 02 lần/năm)				13.722.548
I	Quan trắc tại hiện trường				1.181.488
1	Đo đồng thời đa chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS)				1.181.488
1.1	pH	Thông số	4	156.454	625.816
1.2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Thông số	4	138.918	555.672
II	Quan trắc trong phòng thí nghiệm				12.541.060
1	Nhu cầu ô xy sinh hóa BOD ₅	Thông số	4	209.678	838.712
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	Thông số	4	148.195	592.780
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	Thông số	4	238.562	954.248
4	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	Thông số	4	365.125	1.460.500
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	Thông số	4	279.263	1.117.052
6	Sunfua	Thông số	4	241.451	965.804
7	Chất hoạt động bề mặt	Thông số	4	590.521	2.362.084
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	Thông số	4	586.782	2.347.128
9	Tổng Coliform	Thông số	4	475.688	1.902.752
C	CHI PHÍ GIÁM SÁT XÓI LỖ BỜ HỒ				2.000.000
1	Khảo sát nhằm phát hiện, đánh	Lần	1		2.000.000

STT	Tên thông số	ĐVT	Tổng số lượng/năm	Đơn giá có KH	Thành tiền
	giá hiện tượng, quy mô và mức độ xói lở, tình trạng tái tạo thảm thực vật, sinh vật,... trên hai bên bờ lòng hồ thủy điện Đồng Nai 5 nhằm kịp thời có biện pháp xử lý thích hợp. Tần xuất thực hiện 01 lần/năm.			2.000.000	
D	CHI PHÍ LẬP BÁO CÁO QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NĂM 2026 <i>Lưu ý: Báo cáo có gửi kèm theo bản scan về đại chỉ email: kythuat.antoandn52019@gmail.com.</i>				59.890.752
1	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường (cả năm gồm 2 đợt, xuất bản 1 báo cáo (số lượng là 3 bản tiếng anh, 3 bản tiếng việt)/ 6 tháng, tổng cả năm là 12 bản bao gồm tiếng anh và tiếng việt)	Báo cáo	2	19.963.584	39.927.168
2	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm 2026 - Thủy điện Đồng Nai 5 (xuất bản 6 bản bao gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh)	Báo cáo	1	19.963.584	19.963.584
	Tổng giá trị trước thuế				103.589.764
	Thuế GTGT 8%				8.287.181
	Tổng giá trị sau thuế				111.876.945